

Bản án số: 26/2025/DS-ST.

Ngày: 27/6/2025

“V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KBANG, TỈNH GIA LAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vương Thị Hội.

2. Bà Hoàng Thị Quế.

-Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Tô Uyên - Thư ký Toà án nhân dân (TAND) huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) huyện Kbang, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Thùy - Kiểm sát viên (KSV).

Ngày 27/6/2025, tại trụ sở TAND huyện Kbang, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 133/2024/TLST-DS ngày 26/11/2024 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2025/QĐXXST-DS ngày 27/5/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2025/QĐST-DS ngày 12/6/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm 1965;

Địa chỉ: Tổ dân phố H, thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai.

- Bị đơn: Ông Văn Quốc T1, sinh năm 1971;

Địa chỉ: Tổ dân phố G, thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Văn Thị Tuyết L, sinh năm 1962;

Địa chỉ: Tổ dân phố A, thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai.

Bà T vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; ông T1 và bà L lần thứ hai vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị T trình bày:

Vào ngày 08/12/2020, ông Văn Quốc T1 có nhận nợ với bà số tiền là 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng). Khi nhận nợ ông T1 tự nguyện ghi nội dung nhận nợ số tiền trên vào mẫu giấy mượn tiền và ký, ghi rõ họ tên người mượn bên dưới và giao lại cho bà giữ. Nguồn gốc số tiền nợ trên là do chị gái của ông T1 là bà Văn Thị Tuyết L có mượn tiền của bà, sau đó ông T1 đã tự nguyện nhận thay trách

nhiệm trả nợ cho bà L theo nội dung giấy mượn tiền ngày 08/12/2020. Trong quá trình vay nợ, ông T1 chưa trả cho bà được khoản nợ nào cả.

Nay thời gian bà cho mượn tiền đã lâu, bà đã nhiều lần trực tiếp gặp ông T1 yêu cầu lo thu xếp trả nợ cho bà nhưng ông T1 cứ hứa mà không trả tiền cho bà nên bà làm đơn khởi kiện yêu cầu ông T1 phải trả ngay cho bà số tiền nợ là 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng). Việc ông T1 hẹn chờ phía gia đình bà L bán đất xong mới có tiền trả cho bà thì bà không đồng ý vì số tiền nợ đã quá lâu rồi, bà không thể chờ thời gian hẹn nợ thêm nữa. Đối với Giấy mượn tiền ngày 17/02/2020, bà trình bày là trước khi ký kết Giấy mượn tiền ngày 08/12/2020 thì ông T1 đã yêu cầu bà đưa cho ông T1 giữ rồi ông T1 mới viết Giấy mượn tiền ngày 08/12/2020 đưa cho bà. Hiện bà không còn giữ Giấy mượn tiền ngày 17/02/2020.

Tại bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Văn Quốc T1 trình bày:

Ngày 08/12/2020 ông có viết giấy nhận nợ thay cho chị ông là bà Văn Thị Tuyết L số tiền là 250.000.000 đồng. Nguồn gốc số tiền này là bà L có mượn của bà T, khi mượn bà L có viết giấy mượn tiền cho bà T. Do bà L làm ăn thua lỗ, không trả được tiền cho bà T và đã bỏ đi, bà T nói phải có người đứng nhận nợ thay số tiền bà L nợ bà T nên ông viết giấy nhận nợ để làm tin và nhất trí cản trở số nợ lấy một lô đất của bà L. Do bà L bỏ đi nên không làm thủ tục sang nhượng được. Nay bà T khởi kiện thì quan điểm của ông là ông có ký giấy nhận nợ bà T, ông sẽ trả cho bà T nhưng phải chờ phía gia đình bà L bán đất xong mới có tiền trả cho bà T hoặc thống nhất bán một lô đất cho bà T để trả nợ. Bà T yêu cầu ông trả nợ ngay thì ông không có khả năng trả nợ.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Văn Thị Tuyết L: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, Tòa án nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai đã triệu tập bà L đến Tòa án làm việc để làm bản tự khai trình bày quan điểm, tham gia phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải và phiên tòa do Tòa án tổ chức nhưng bà L luôn vắng mặt không có lý do.

Các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp, gồm: 01 Bản gốc giấy mượn tiền được viết trên mẫu giấy A4 đánh sẵn đề ngày 8/12/2020 có nội dung ông Văn Quốc T1 mượn của bà Trần Thị T số tiền 250.000.000 đồng. Ký tên người mượn tiền Văn Quốc T1; 01 Căn cước công dân mang tên Trần Thị T (bản pho to).

Các tài liệu, chứng cứ do bị đơn giao nộp: Không có.

Các tài liệu, chứng cứ do người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan giao nộp: Không có.

Tại phiên tòa, KSV phát biểu quan điểm của VKSND huyện Kbang, tỉnh Gia Lai về việc giải quyết vụ án như sau:

Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 91, 93, 94, 95, 96, 97, 108, 144, 147, 227, 228, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào các Điều 116, 117, 119, 274, 275, 280, 357, 463, 466, 468 và 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị T, buộc bị đơn ông Văn Quốc T1 phải trả cho bà T số tiền là 250.000.000 đồng (*Hai trăm năm mươi triệu đồng*).

Buộc ông T1 phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng dân sự: Nguyên đơn bà Trần Thị T có đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Văn Quốc T1 phải trả cho bà T số tiền là 250.000.000 đồng. Bà T là chủ thể cho rằng mình có quyền lợi bị xâm phạm nên được quyền khởi kiện, điều kiện khởi kiện của nguyên đơn được đảm bảo nên được xem xét và thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Kbang, tỉnh Gia Lai theo như quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS năm 2015.

Bị đơn ông T1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà L lần thứ hai vắng mặt tại phiên toà mặc dù đã được Toà án triệu tập hợp lệ. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T1 và bà L theo quy định tại các Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị T, HĐXX thấy rằng: Chứng cứ do nguyên đơn giao nộp là Giấy nhận nợ có nội dung được viết trên mẫu giấy đánh máy sẵn: Ngày 8/12/2020 ông Văn Quốc T1 có mượn của bà Trần Thị T với số tiền là 250.000.000 đồng, phía dưới có nội dung viết tay “*Thái nhận nợ thay cho chị Văn Thị Tuyết L số tiền mượn của chị T là 250.000.000 đồng ở trên theo giấy mượn tiền ngày 17/02/2020*” ký tên người mượn tiền Văn Quốc T1. Xét chứng cứ do bà T đưa ra để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ vì việc ông T1 nhận nợ ngày 08/12/2020 nhận nợ thay cho bà L là hoàn toàn tự nguyện, đã được ông T1 thừa nhận tại bản tự khai và phiên hoà giải. Giấy mượn tiền ngày 08/12/2020 là sự thỏa thuận giữa bà T và ông T1 về việc xác lập quyền và nghĩa vụ dân sự, nội dung thỏa thuận không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, đáp ứng đầy đủ điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự nên có hiệu lực pháp luật. Khi ký kết ông T1 có đủ năng lực hành vi dân sự, đủ khả năng hiểu rõ nội dung và tự nguyện xác lập giao dịch nên phải có nghĩa vụ thực hiện nội dung giao dịch đã ký kết. Do đó, việc bà T yêu cầu ông T1 phải trả nợ hoàn toàn có căn cứ và đúng pháp luật. Ông T1 đã thừa nhận nợ bà T nhưng hẹn phải chờ phía gia đình bà L bán đất xong mới có tiền trả cho bà T hoặc thống nhất bán một lô đất cho bà T để trả nợ là không khả thi, thể hiện ông T1 không có thiện chí trả nợ cho bà T, ông T1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay nên yêu cầu khởi kiện của bà T là có căn cứ và đúng pháp luật nên được HĐXX chấp nhận toàn bộ. Do đó, buộc ông T1 phải trả cho bà T số tiền là 250.000.000 đồng.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Văn Thị Tuyết L, bà L liên quan đến vụ án vì cả bà T và ông T1 đều trình bày là nguồn gốc số tiền ông T1 nhận nợ với bà T là do ông T1 nhận nợ thay cho bà L, xuất phát từ việc bà L có mượn tiền bà T theo Giấy mượn tiền ngày 17/02/2020. Toà án đã triệu tập bà L để trình bày quan điểm của bà đối với vụ án, để làm rõ nguồn gốc việc nhận nợ theo Giấy mượn tiền ngày 8/12/2020 giữa bà T và ông T1 nhưng bà L không có mặt làm việc. Tuy nhiên, việc bà L vắng mặt không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án vì ông T1 và bà T đã xác lập giao dịch mới theo Giấy mượn tiền ngày 8/12/2020, giao dịch này được các đương sự

tự nguyện xác lập và Toà án xem xét giải quyết vụ án theo Giấy mượn tiền này. Mặt khác, Giấy mượn tiền ngày 17/02/2020, nguyên đơn bà T trình bày là trước khi ký kết Giấy mượn tiền ngày 8/12/2020 thì ông T1 đã yêu cầu bà đưa cho ông T1 giữ rồi ông T1 mới viết Giấy mượn tiền mới (ngày 08/12/2020). Toà án cũng yêu cầu ông T1 giao nộp Giấy mượn tiền ngày 17/02/2020 để có cơ sở xem xét, giải quyết vụ án nhưng ông T1 không thực hiện. Do đó, Toà án căn cứ vào Giấy mượn tiền ngày 08/12/2020 để giải quyết vụ án.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà T được chấp nhận toàn bộ nên bà không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho bà số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Ông T1 phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định là 250.000.000 đồng x 5% = 12.500.000 đồng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 91, 93, 94, 95, 96, 97, 108, 144, 147, 227, 228, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 116, 117, 119, 274, 275, 280, 357, 463, 466, 468 và 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị T, buộc bị đơn ông Văn Quốc T1 phải trả cho bà T số tiền là 250.000.000 đồng (*Hai trăm năm mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày bà T có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi ông T1 thi hành xong khoản tiền nợ nói trên thì hàng tháng ông T1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của BLDS năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về án phí Dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn ông Văn Quốc T1 phải chịu 12.500.000 đồng (*Mười hai triệu năm trăm nghìn đồng*) án phí Dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Trần Thị T số tiền tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm đã nộp là 6.250.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng phí, lệ phí Toà án số 0002410 ngày 26/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu TAND tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:

-TAND tỉnh Gia Lai;
-VKSND huyện Kbang;

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THADS huyện Kbang;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, VPTA.

Nguyễn Thị Hồng Phương